

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2017/DS - ST
Ngày 08 tháng 12 năm 2017
V/v: “ Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH BẮC GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoan;

Các Hội thẩm nhân dân: 1 - Ông Nguyễn Ngọc Trứ;

2 - Ông Nguyễn Xuân Hoàng;

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuần – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang;*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên
tòa: Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên.*

Ngày 08 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2017; Về việc “Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2017/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 11 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2017/QĐST - DS ngày 24/11/2017 giữa:

+ *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị T - sinh năm 1972(Có mặt);

- Anh Nguyễn Văn N - sinh năm 1969 (Là chồng) – do chị Hà Thị Tr – là người đại diện theo ủy quyền (Có mặt)

- Điều có địa chỉ: Thôn G, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

+ *Bị đơn:* Anh Hà Viết Q - sinh năm 1973 (Vắng mặt);

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Đinh Thị Ph – sinh năm 1975 (Vợ anh Quý) (Vắng mặt)

- Điều có địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Hà Thị Tr và anh Nguyễn Văn N ngày 17/7/2017, bản tự khai của chị Hà Thị Tr ngày 07/8/2017(BL: 01; 18):

Ngày 18/12/2013 anh Hà Viết Q có vay của vợ chồng Chị số tiền 25.000.000đồng (Hai mươi năm triệu đồng) để làm ăn, lãi suất thỏa thuận nhưng không ghi rõ là bao nhiêu, thời gian vay là 10 tháng đến ngày 18/10/2014 thì trả.

Hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền. Đến hạn trả nợ khoản tiền đã vay ở trên, anh Q không trả cho vợ chồng Chị số tiền đã vay. Chị đã đến nhà anh Q đòi nhiều lần nhưng anh Q không trả. Vì vậy vợ chồng Chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Hà Viết Q và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Đinh Thị Ph phải trả vợ chồng Chị số tiền 25.000.000đồng (Hai năm triệu đồng). Chị không yêu cầu tính lãi đối với số tiền chưa thanh toán cho đến khi xét xử.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao cho anh Hà Viết Q và chị Đinh Thị Ph thông báo về việc thụ lý vụ án do ông Hà Văn T - Phó Công an xã M – là chủ của anh Q, chị Ph nhận thay và cam kết giao lại cho anh Q, chị Ph để biết và có ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án cũng đã nhiều lần cùng Công an xã M đến gia đình anh Q gửi giấy triệu tập đến Tòa án giải quyết, Bố anh Q có ý kiến về việc anh Q đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ việc. Tòa án đã làm việc với cán bộ xã về đối tượng được hưởng trợ giúp pháp lý đối với anh Q, chị Ph, nhưng vợ chồng anh Q, chị Ph đều không thuộc đối tượng trợ giúp Pháp lý theo quy định và không thuộc hộ cận nghèo năm 2017.

Quá trình giải quyết vụ án anh Q, chị Ph không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, cũng như không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền mà chị Tr và anh N khởi kiện đối với anh Q, chị Ph phải trả nợ ở trên. Tòa án đã nhiều lần báo anh Q, chị Ph đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh Q, chị Ph đều không hợp tác. Tòa án đã giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Q, chị Ph để mở phiên họp và phiên hòa giải vào các ngày 03/10/2017; 08/11/2017, anh Q, chị Ph đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy các phiên họp và hòa giải không tiến hành được theo quy định tại Khoản 1 Điều 207; Khoản 1, 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự. Về biên bản phiên họp về giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ Tòa án đã giao cho anh Q, chị Ph;

Bị đơn là anh Q, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Đinh Thị Ph không có mặt tại phiên tòa ngày 24/11/2017, do vậy phiên tòa phải hoãn theo quy định của Pháp luật. Quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay anh Q, chị Ph đều vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến; về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng trong vụ án cũng như về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Bị đơn anh Hà Viết Q, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Đinh Thị Ph đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về thời hiệu khởi kiện vụ án của nguyên đơn. Căn cứ điểm b, Khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ – HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, thì chị Tr, anh N khởi kiện đòi lại tài sản, do vậy cũng không được tính lãi đối với tài sản là số tiền đã cho vay. Việc nguyên đơn khởi kiện đòi lại tài sản nên về thời hiệu vẫn còn, chị Tr không yêu cầu tính lãi đối với số tiền còn nợ, nên về thời hiệu để xem xét tính lãi không cần xem xét trong vụ án. Mặt khác không có đương sự nào yêu cầu xem xét về thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về quan hệ tranh chấp: Theo tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp Hội đồng xét thấy: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn N và chị Hà Thị Tr đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đầy đủ, có căn cứ.

Khi vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn có viết giấy biên nhận vay tiền, nội dung thể hiện số tiền đã vay, lãi suất thỏa thuận nhưng không ghi rõ là bao nhiêu, thời hạn trả, các bên có sự cam kết về việc thanh toán trả nợ tiền đã vay và điều tự nguyện ký giấy vay tiền. Do anh Q không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ về thời hạn trả nợ, lãi suất đã thỏa thuận trong giấy biên nhận vay tiền đã ký. Xét về hình thức và nội dung giấy biên nhận vay tiền, giấy biên nhận vay tiền là một thỏa thuận giữa hai bên trong giao dịch dân sự và hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái với quy định của pháp luật, phù hợp quy định tại các Điều 389; các Điều 401; 402; 403; 404 của Bộ Luật dân sự năm 2005, tại thời điểm ký kết. Do vậy giấy biên nhận vay tiền ở trên là một dạng hợp đồng dân sự về vay tài sản. Các bên không thực hiện đúng giao dịch đã ký kết. Việc nguyên đơn đã thực hiện khởi kiện tại Tòa án để đòi số tiền gốc là phù hợp với quy định của Pháp luật, quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Thỏa thuận giữa hai bên phù hợp quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Nội dung hợp đồng có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ, đã thể hiện phù hợp với quy định tại Khoản 1, Khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 (Nay quy định tại Điều 463; Khoản 1, 4, điểm b Khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015). Nguyên đơn trong vụ án yêu cầu Tòa án buộc anh Hà Viết Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đinh Thị Ph phải trả 25.000.000đồng (Hai năm triệu đồng) tiền gốc và không yêu cầu trả lãi cho đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận khi vay tiền chỉ có anh Q giao dịch với chị Hà Thị Tr và anh N, chị Ph hoàn toàn không biết việc anh Q vay tiền của vợ chồng chị Tr, chị Tr cũng chưa lần nào gặp chị Ph để đòi số tiền mà anh Q vay vợ chồng Chị, thời điểm vay tiền anh Q đang chung sống cùng với bố mẹ đẻ, kinh tế còn phụ thuộc, do vậy anh Hà Viết Q vay số tiền 25.000.000đồng của chị Tr, anh N không sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế của gia đình. Hiện tại anh Q, chị Ph vẫn sinh sống cùng nhà với bố mẹ đẻ của anh Q, cho nên số tiền anh Q vay chị Tr và anh N không sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Vì vậy yêu cầu của chị Hà Thị Tr chỉ được chấp nhận một phần đối với nghĩa vụ của bị đơn phải trả nợ trong vụ án. Hội đồng xét xử thấy phù hợp với quy định của Bộ Luật dân sự tại thời điểm ký kết giữa các đương sự, nên được chấp nhận một phần yêu cầu đối với bị đơn phải trả nợ là anh Hà Viết Q.

Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 146; Khoản 1 Điều 147; khoản 3 Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Hà Viết Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Do yêu cầu của nguyên đơn đã- ợc chấp nhận, nên số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp đ- ợc hoàn trả theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Việc tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự và về việc giải quyết vụ án mà Kiểm sát viên có ý kiến. Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và đảm bảo đúng quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1 - Áp dụng: Điểm c Khoản 1 Điều 688; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471; Khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 146; Khoản 1 Điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là anh Nguyễn Văn N và chị Hà Thị Tr;

Buộc anh Hà Viết Q phải trả cho anh Nguyễn Văn N và chị Hà Thị Tr số tiền đã vay là 25.000.000đồng (Hai năm triệu đồng).

Kể từ ngày ng- ời có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án, ng- ời có nghĩa vụ phải thi hành án chậm trả tiền, thì họ phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, t- ơng ứng với thời gian chậm trả.

3- Về án phí: Anh Hà Viết Q phải chịu 1.250.000đồng (Một triệu, hai trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Hà Thị Tr số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 625.000đồng(Sáu trăm hai năm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001764 ngày 07/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Báo cho đ- ơng sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho đ- ơng sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Những ng- ời tham gia tố tụng;
- L- u hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Công Hoan